

Số: /KH-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Phát triển bền vững ngành hàng sản trên địa bàn
tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện Quyết định số 1115/QĐ-BNN-TT ngày 17/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững ngành hàng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”, UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch phát triển bền vững ngành hàng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Kế hoạch), với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xây dựng vùng sản xuất sản ổn định, bền vững, gắn với ứng dụng giống mới, kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế; mở rộng liên kết chuỗi giá trị và tăng tỷ lệ chế biến để nâng cao giá trị gia tăng, thu nhập cho nông dân; đồng thời phát triển công nghiệp chế biến hiện đại, thân thiện môi trường, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Qua đó hình thành ngành hàng sản có sức cạnh tranh cao, thích ứng biến đổi khí hậu và đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế nông nghiệp của tỉnh.

2. Yêu cầu

Phát triển ngành hàng sản trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Phù hợp với Đề án phát triển bền vững ngành hàng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành tại Quyết định số 1115/QĐ-BNN-TT ngày 17/4/2024.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án “Phát triển bền vững ngành hàng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Thanh Hóa; định hướng phát triển ngành hàng sản theo hướng ổn định, hiệu quả, bền vững, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ

và bảo vệ môi trường; góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn bền vững trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2030

- Diện tích trồng sắn ổn định khoảng 13.000 ha, tập trung chủ yếu tại các xã miền núi và trung du; năng suất bình quân đạt trên 20 tấn/ha; sản lượng đạt trên 260 nghìn tấn củ tươi/năm; trong đó, sản lượng sắn tươi dùng để chế biến một số sản phẩm (tinh bột, mỳ chính, mạch nha,...) chiếm khoảng 80%.

- Trên 50% diện tích trồng sắn sử dụng giống đạt tiêu chuẩn chất lượng, có năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh tốt phù hợp điều kiện sinh thái của tỉnh; áp dụng quy trình canh tác bền vững.

- Giá trị sản phẩm chế biến sâu (tinh bột biến tính, ethanol, thức ăn chăn nuôi...) chiếm ít nhất 15-20% tổng giá trị ngành hàng sắn; kim ngạch xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn đạt 800-900 tỷ đồng.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2050

Xây dựng ngành hàng sắn của tỉnh Thanh Hóa trở thành ngành sản xuất hàng hóa lớn, hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ với công nghiệp chế biến, năng lượng sinh học và kinh tế tuần hoàn; trong đó, 70-80% diện tích trồng sắn áp dụng quy trình canh tác bền vững, sản lượng sắn tươi dùng để chế biến sâu một số sản phẩm (tinh bột, mì chính, mạch nha,...) chiếm trên 90%, đảm bảo thu nhập của người trồng sắn tăng tối thiểu 1,5-2 lần so với hiện nay.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN, TIÊU THỤ SẴN

1. Định hướng phát triển sản xuất

Tổ chức lại sản xuất sắn theo vùng chuyên canh, bố trí tập trung tại các xã có điều kiện sinh thái phù hợp; khuyến khích chuyển đổi diện tích đất trồng kém hiệu quả sang trồng sắn theo hướng hàng hóa. Quy hoạch, củng cố và phát triển các vùng nguyên liệu ổn định gắn với từng cơ sở chế biến tinh bột sắn, diện tích sắn toàn tỉnh đến năm 2030 ổn định 13.000 ha, sản lượng trên 260 nghìn tấn củ tươi; bảo đảm quy mô vùng nguyên liệu cho mỗi nhà máy đạt 2.000 - 3.000 ha, tạo mối liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp chế biến với hợp tác xã và nông dân; trong đó:

- Khu vực trung du và miền núi thấp diện tích 8.000 ha, năng suất trung bình 22,4 tấn/ha, sản lượng củ tươi đạt trên 180 nghìn tấn. Tập trung tại các xã: Như Xuân, Hóa Quỳ, Thượng Ninh, Xuân Bình, Thanh Phong, Thanh Quân, Luận Thành, Tân Thành, Thường Xuân, Quý Lương, Thiết Ống, Điền Quang, Thọ Bình, Nguyệt Ấn, Kiên Thọ, Minh Sơn, Sao Vàng,...

- Khu vực miền núi cao diện tích 5.000 ha, năng suất trung bình 16,2

tấn/ha, sản lượng củ tươi đạt trên 80 nghìn tấn. Tập trung tại các xã: Mường Lý, Trung Lý, Pù Nhi, Nhi Sơn, Quang Chiêu, Mường Lát, Tam Chung, Mường Chanh, Trung Thành, Trung Sơn, Hiền Kiệt,...

2. Định hướng phát triển chế biến sản

Đến năm 2030, tiếp tục ổn định 04 nhà máy và 02 cơ sở chế biến tinh bột sản trên địa bàn tỉnh, với công suất chế biến 300 nghìn tấn củ tươi/năm. Đồng thời khuyến khích phát triển các doanh nghiệp chế biến bánh kẹo, đường nha, mỳ ăn liền, thức ăn chăn nuôi,... sử dụng sản và tinh bột sản làm nguyên liệu. Ưu tiên sử dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến trong chế biến sản để nâng cao chất lượng, sử dụng tối đa sản phẩm phụ, bảo vệ môi trường; gia tăng giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm sản Thanh Hóa.

3. Định hướng thị trường tiêu thụ sản

Củng cố thị trường trong nước, mở rộng xuất khẩu sang các nước trong khu vực và thế giới; đồng thời, tăng cường xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm sản Thanh Hóa.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác thông tin, tuyên truyền

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền đến các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và người dân nhằm thay đổi nhận thức, chuyển từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa tập trung, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; tổ chức sản xuất gắn với nhu cầu thị trường; đồng thời nâng cao trình độ ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật của người dân và năng lực quản lý, điều hành, tổ chức sản xuất cho các doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết.

- Vận động, hướng dẫn, khuyến cáo người dân áp dụng các phương thức canh tác mới, hiệu quả đã được thực tiễn khẳng định để bảo vệ đất đai, chống xói mòn; chú trọng đầu tư thâm canh, phòng trừ sâu bệnh trên cây sản; thực hiện đồng bộ các biện pháp kỹ thuật thâm canh sản bền vững; đẩy nhanh việc thay thế các giống sản địa phương đã bị thoái hóa, nhiễm bệnh bằng những giống sản mới có năng suất, hàm lượng tinh bột cao, có khả năng chống chịu sâu bệnh, đặc biệt là bệnh khảm lá virus hại sản, thối củ,...

- Thường xuyên cung cấp, cập nhật thông tin chuyên ngành; phổ biến các tiến bộ kỹ thuật trong canh tác sản bền vững, các giống sản mới có năng suất, chất lượng tinh bột cao, kháng sâu bệnh, các mô hình điển hình tiên tiến trong sản xuất sản và thông tin giá cả sản phẩm sản trên thị trường,... thông qua hệ thống truyền thông đại chúng, thông qua lồng ghép chuyên đề trong các hội nghị, hội thảo, họp thôn/ bản, sinh hoạt cộng đồng và kênh truyền thông của các tổ chức chính trị - xã hội (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên...) cho người sản xuất.

- Đào tạo, tập huấn phát triển nguồn nhân lực (cán bộ kỹ thuật, nông dân, HTX, Tổ hợp tác xã,...) phục vụ phát triển sản xuất phù hợp với yêu cầu công nghệ mới và nhu cầu thị trường; nâng cao năng lực về kỹ thuật sản xuất, quản lý kinh tế hộ và đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường trong sản xuất, chế biến sản.

- Đẩy mạnh sử dụng công nghệ thông tin và các phương tiện truyền thông hiện đại trong công tác tuyên truyền; đồng thời, lồng ghép các hoạt động tuyên truyền với các chương trình mục tiêu quốc gia như nông thôn mới, giảm nghèo bền vững để tăng hiệu quả và mở rộng phạm vi tác động.

2. Về tổ chức sản xuất

- Tổ chức lại sản xuất theo hướng xây dựng cánh đồng lớn để liên kết với các doanh nghiệp nhằm giảm các khâu trung gian, tạo cơ hội nâng cấp chuỗi giá trị sản phẩm. Trên cơ sở diện tích đất đã được quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu, UBND các xã chỉ đạo, khuyến khích, tổ chức cho các công ty, nhà máy chế biến tinh bột sản trên địa bàn tỉnh ký kết hợp đồng liên kết sản xuất với nông dân, Hợp tác xã, tổ hợp tác xã trồng sản để ổn định sản xuất, sử dụng hợp lý quỹ đất, đầu tư ứng dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

- Phát triển các sản phẩm từ sản phẩm gắn với thị trường tiêu thụ, đảm bảo nâng cao tính cạnh tranh và giá trị gia tăng. Chế biến đi vào chiều sâu, áp dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra thương hiệu đặc trưng cho từng sản phẩm và đa dạng hóa các sản phẩm, sử dụng tối đa các sản phẩm phụ trong quá trình sản xuất, chế biến sản phẩm nhằm tạo ra giá trị kinh tế cao, góp phần giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống dân cư khu vực nông thôn, nâng cao giá trị kim ngạch xuất khẩu và bảo vệ môi trường.

- Đối với hộ gia đình, chủ động liên kết với doanh nghiệp thông qua HTX, tổ hợp tác xã để hình thành vùng nguyên liệu sản phẩm gắn với công nghiệp chế biến, tiêu thụ theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn và áp dụng khoa học công nghệ để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh, đáp ứng được nhu cầu về nguyên liệu sản phẩm trong nước và xuất khẩu.

- Đối với công ty, nhà máy, căn cứ điều kiện thực tiễn, liên kết với hộ gia đình trồng sản xây dựng vùng nguyên liệu; cung ứng vật tư đầu vào (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,...); chuyển giao khoa học công nghệ, hướng dẫn kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm sản phẩm cho người dân thông qua hợp đồng liên kết.

3. Về khoa học công nghệ

- Áp dụng đồng bộ kỹ thuật canh tác bền vững: IPM, trồng xen canh, luân canh cây sản với các cây họ đậu, tăng cường sử dụng phân hữu cơ, phân vi sinh nhằm cải tạo đất, áp dụng tiến bộ kỹ thuật (sử dụng giống mới, bón phân đúng quy trình, tưới tiết kiệm nước,...); góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản.

- Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện và chuyển giao vào thực tiễn các quy trình kỹ thuật sản xuất sản theo hướng bền vững tại các vùng sinh thái; đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hoá các khâu trồng, chăm sóc, thu hoạch, vận chuyển sản, ... Đồng thời, nghiên cứu, tuyển chọn, du nhập các giống sản mới, có năng suất và chất lượng tốt, có thể trồng rải vụ, thích ứng với điều kiện sinh thái của tỉnh, chống chịu sâu bệnh tốt, đặc biệt là bệnh khảm lá virus, bệnh thối củ và nhân rộng các giống sản bằng biện pháp phù hợp.

- Khuyến khích các công ty, nhà máy chế biến sản trên địa bàn tỉnh đầu tư, nâng cấp trang thiết bị công nghệ mới trong chế biến, trong đó ưu tiên công nghệ chế biến sạch, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải; đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng sản phẩm chế biến sâu (tinh bột biến tính, mì chính, ethanol, thức ăn chăn nuôi, các sản phẩm phụ hữu cơ...).

- Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý và sản xuất như xây dựng hệ thống quản lý vùng nguyên liệu, theo dõi tiến độ sản xuất, giám sát dịch bệnh, quản lý chất lượng sản phẩm, hỗ trợ liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ.

4. Về thị trường tiêu thụ sản phẩm

- Đối với thị trường quốc tế: Tiếp tục thực hiện các giải pháp giữ vững thị trường tiêu thụ sản hiện có (Trung Quốc,...); đồng thời, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường (EU, Đông Bắc Á...), tháo gỡ rào cản thương mại tạo điều kiện thuận lợi cho sản phẩm sản của tỉnh được tiêu thụ rộng trên thị trường thế giới.

- Đối với thị trường trong nước: Ngoài việc tiếp tục củng cố, khuyến khích các công ty, nhà máy chế biến tinh bột sản hiện có trên địa bàn tỉnh; đồng thời thu hút thêm các công ty chế biến bánh kẹo, đường nha, mỳ ăn liền, thức ăn chăn nuôi,... sử dụng sản và tinh bột sản làm nguyên liệu để tăng chuỗi giá trị ngành hàng sản.

5. Về công tác quản lý nhà nước

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách liên quan đến phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh: Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa,...

- Nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật để hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, người dân đẩy mạnh việc áp dụng quy trình sản xuất sản bền vững, chuyển đổi số, xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, xử lý môi trường trong chế biến sản.

- Tăng cường công tác quản lý vật tư đầu vào (giống, phân bón, thuốc bảo

vệ thực vật,...), kiểm soát dịch bệnh, chất lượng sản phẩm; quản lý chặt chẽ các yếu tố gây ô nhiễm trong quá trình trồng, chế biến sản.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số trong quản lý ngành hàng sản, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận thông tin, đăng ký vùng nguyên liệu, hỗ trợ kỹ thuật và liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Thúc đẩy hợp tác liên ngành và liên tỉnh, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm quản lý, hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu, chế biến và thị trường sản, đảm bảo phát triển ngành hàng sản bền vững, ổn định và hiệu quả.

6. Về đầu tư tăng cường năng lực

Thực hiện các giải pháp đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất ngành hàng sản theo hướng xã hội hóa. Các hộ gia đình đầu tư trang thiết bị, ứng dụng cơ giới hoá trong quá trình canh tác, vận chuyển sản; doanh nghiệp đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu, chuyển giao khoa học công nghệ, xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm từ sản,... Ngân sách nhà nước đầu tư, hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất sản theo quy định của pháp luật để thực hiện các nhiệm vụ như xây dựng cơ chế, chính sách; nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực; nghiên cứu khoa học công nghệ; hạ tầng vùng sản xuất sản tập trung (giao thông, thủy lợi, điện,...); xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm sản.

V. NGUỒN KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp; nguồn lồng ghép trong các chương trình, đề án, dự án; nguồn hỗ trợ hợp pháp khác của các tổ chức cá nhân.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp giao trong Kế hoạch này:

- Hướng dẫn các địa phương tổ chức lại sản xuất, phát triển sản xuất sản theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, theo vùng chuyên canh gắn với truy xuất nguồn gốc và xây dựng mã số vùng trồng.

- Phối hợp với Sở Công Thương trong hoạt động xúc tiến thương mại nhằm quảng bá và xây dựng thương hiệu các sản phẩm chế biến từ sản, từ đó góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ. Tăng cường quản lý môi trường tại các cơ sở chế biến sản trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn thủ tục, công tác bảo vệ môi trường tại các vùng sản xuất tập trung, tại các công ty chế biến theo thẩm quyền quy định.

- Khuyến khích nông dân trồng sản tiếp tục tham gia liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm với các cơ sở chế biến tinh bột sản trên địa bàn tỉnh để hình thành chuỗi giá trị bền vững; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm giảm chi phí đầu tư và tăng hiệu quả kinh tế.

- Xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền, tập huấn, xây dựng mô hình áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới; giám sát chặt chẽ tình hình sâu bệnh hại, tăng cường công tác quản lý chất lượng vật tư (giống, phân, thuốc BVTV,...) và phối hợp với các cơ quan truyền thông, địa phương và đơn vị, tổ chức liên quan triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng quy định.

- Xây dựng, chuyển giao và nhân rộng mô hình liên kết tổ chức sản xuất tập trung gắn với mã số vùng trồng, ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến; tổng kết, đánh giá tham mưu, hướng dẫn địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo yêu cầu, tiến độ đề ra.

- Chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện của các sở, ngành, địa phương; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để theo dõi, chỉ đạo; đồng thời, nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Căn cứ tiêu chuẩn, định mức, mức chi... hàng năm xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch gửi Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND cấp xã thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm được chế biến từ sản.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp trong lĩnh vực chế biến tham gia quảng bá, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm được chế biến từ sản.

- Thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình thị trường nước ngoài; đặc biệt các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của thị trường nước ngoài có thể tác động đến hoạt động xuất nhập khẩu đối với sản phẩm sản; đồng thời khuyến nghị với cơ sở xuất nhập khẩu sản phẩm sản, nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp và định hướng tìm kiếm đơn hàng từ các thị trường khác để giảm thiểu rủi ro.

- Tăng cường công tác khuyến công, nhất là hỗ trợ máy móc, thiết bị để phục vụ sản xuất ngành hàng sản và công nghiệp chế biến các sản phẩm từ sản.

3. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao trong Kế

hoạch đảm bảo theo quy định của pháp luật.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh đặt hàng và tổ chức tuyển chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ, các chương trình phát triển giống sản mới có khả năng chống chịu tốt với sâu bệnh hại, năng suất cao, hàm lượng tinh bột cao, đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ, đổi mới công nghệ sau thu hoạch để nâng cao chất lượng ngành hàng sản.

5. Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa

Tổ chức xây dựng các chuyên mục, tin bài, phóng sự tuyên truyền về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển ngành hàng sản; thường xuyên phản ánh mô hình sản xuất hiệu quả, tiến bộ kỹ thuật, giống sản mới và thông tin thị trường; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương để cập nhật, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác đến với người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp.

6. Ủy ban nhân dân các xã

- Triển khai nội dung Kế hoạch đến các doanh nghiệp, nhà máy chế biến sản trên địa bàn quản lý; bố trí cán bộ lãnh đạo làm đầu mối, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của xã tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch này.

- Hằng năm tổ chức lập dự toán và phân bổ kinh phí kết hợp lồng ghép các nguồn vốn ngân sách bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và các quy định của pháp luật hiện hành để thực hiện có hiệu quả Kế hoạch.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức tuyên truyền, tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, quy trình kỹ thuật quản lý tổng hợp bệnh khảm lá sản, áp dụng các biện pháp quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp,... đến người sản xuất.

- Định kỳ hằng năm tổng kết, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch trên địa bàn; báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

7. Các cơ sở sản xuất và chế biến tinh bột sản

- Thực hiện liên kết với người dân trồng sản để hình thành vùng nguyên liệu cho nhà máy chế biến. Đồng thời, phối hợp với địa phương xây dựng vùng nguyên liệu; có chính sách hỗ trợ người trồng sản đầu tư thâm canh phát triển vùng nguyên liệu sản của cơ sở theo hướng sản xuất tập trung, quy mô lớn, áp dụng đồng bộ cơ giới hóa vào sản xuất; tổ chức sản xuất theo hướng giảm chi

phí, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm; cung cấp thông tin về thị trường tiêu thụ sản và các sản phẩm từ sản.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chính quyền địa phương hướng dẫn người trồng sản áp dụng tiến bộ KHKT, quy trình kỹ thuật sản xuất sản bền vững, quy trình kỹ thuật quản lý tổng hợp bệnh khảm lá sản, áp dụng các biện pháp quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp. Đầu tư, xây dựng các vùng sản xuất giống sạch bệnh khảm lá để cung cấp nguồn giống cho sản xuất thương phẩm.

- Chủ động đầu tư, cải tiến, nâng cấp trang thiết bị, đổi mới quy trình công nghệ chế biến để nâng cao chất lượng sản phẩm. Mở rộng sản xuất theo hướng chế biến sâu, đa dạng sản phẩm.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của Việt Nam, thị trường nhập khẩu; hướng dẫn của cơ quan quản lý về môi trường; chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng môi trường trong quá trình chế biến.

Yêu cầu các đơn vị, địa phương khẩn trương triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng các nội dung của Kế hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các xã;
- Các cơ sở sản xuất và chế biến tinh bột sản (Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi);
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Văn Cường